

HƯỚNG DẪN

**Xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc công bố đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc công bố đơn giá duy trì hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc công bố đơn giá duy trì cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc công bố đơn giá bổ sung công tác trồng cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc công bố đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố đơn giá bổ sung một số công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ văn bản số 3109/UBND-VP ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc áp dụng Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng để xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích duy trì hệ thống thoát nước đô thị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 210/TTr-SXD ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc đề nghị ban hành Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo các tập đơn giá công bố kèm theo các quyết định trên như sau:

I. MỨC LƯƠNG CƠ SỞ

Mức lương cơ sở để điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong Hướng dẫn này là 1.390.000 đồng/tháng, được quy định tại Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ (tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2018).

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Hướng dẫn này hướng dẫn xác định và quản lý chi phí các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sau đây:

1. Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị;
2. Duy trì hệ thống cây xanh đô thị;
3. Bổ sung công tác trồng cây xanh đô thị;
4. Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
5. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;
6. Bổ sung một số công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

III. XÁC ĐỊNH DỰ TOÁN CHI PHÍ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Dự toán chi phí dịch vụ công ích được lập theo Phụ lục kèm theo Hướng dẫn này, trong đó, các thành phần chi phí được xác định cụ thể như sau:

1. Chi phí trực tiếp

a) Chi phí vật liệu:

Xác định theo định mức hao phí của từng loại vật liệu trong khối lượng công tác dịch vụ công ích, nhân với giá của từng loại vật liệu (theo quy định tại Phụ lục số 2, Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Xây dựng) tại thời điểm lập dự toán.

b) Chi phí nhân công:

Xác định theo khối lượng công tác dịch vụ công ích nhân với đơn giá nhân công trong đơn giá dịch vụ công ích, nhân với hệ số điều chỉnh nhân công (K_{nc}) theo Bảng 1.

c) Chi phí máy thi công:

Xác định theo khối lượng công tác dịch vụ công ích nhân với đơn giá máy thi công trong đơn giá dịch vụ công ích, nhân với hệ số điều chỉnh (K_{mtc}) theo Bảng 1, cộng (trừ) chênh lệch giá nhiên liệu, năng lượng tại thời điểm lập dự toán.

BẢNG 1: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ THI CÔNG, MÁY THI CÔNG

STT	Loại đơn giá	Kí hiệu	Hệ số điều chỉnh	
			Các huyện, thị xã và thành phố	Huyện Côn Đảo
1	Đơn giá duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị	K_{nc}	1,062	1,790
		K_{mtc}	1,020	1,260
2	Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đô thị;	K_{nc}	1,062	1,790
		K_{mtc}	1,014	1,183
3	Đơn giá bổ sung một số công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	K_{nc}	1,062	1,065
		K_{mtc}	1,014	1,015
4	Đơn giá duy trì hệ thống cây xanh đô thị	K_{nc}	1,062	1,790
		K_{mtc}	1,026	1,325
5	Đơn giá bổ sung công tác trồng cây xanh đô thị	K_{nc}	1,061	1,815
		K_{mtc}	1,021	1,285
6	Đơn giá duy trì hệ thống thoát nước đô thị	K_{nc}	1,062	1,790
		K_{mtc}	1,018	1,228

Ghi chú: Đối với địa bàn huyện Côn Đảo, chi phí nhân công, máy thi công lập theo các tập đơn giá dịch vụ công ích chỉ được nhân với các hệ số điều chỉnh (K_{nc}) và (K_{mtc}) trên, không được nhân thêm các hệ số điều chỉnh trong đơn giá gốc.

2. Chi phí quản lý chung

a) Chi phí quản lý chung trong dự toán dịch công ích trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bằng mức tỷ lệ chi phí chung nhân với chi phí nhân công trực tiếp. Mức tỷ lệ chi phí chung xác định như sau:

- Thành phố Vũng Tàu: $\leq 23,5\%$;

- Các địa bàn còn lại: $\leq 14,5\%$.

b) Đối với khối lượng công tác dịch vụ công ích có chi phí sử dụng máy và thiết bị thi công lớn hơn 60% chi phí trực tiếp thì chi phí quản lý chung được tính không quá 4% chi phí sử dụng máy thi công.

3. Lợi nhuận định mức

Lợi nhuận định mức được tính bằng 4% nhân với chi phí trực tiếp và chi phí quản lý chung trong dự toán dịch vụ công ích.

4. Chi phí quản lý dịch vụ công ích

Xác định theo định mức chi phí quản lý dự án công trình hạ tầng kỹ thuật công bố tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (Quyết định 79/BXD). Chi phí quản lý bằng định mức nhân với chi phí dịch vụ công ích trước thuế, nhân với hệ số điều chỉnh $k \leq 0,2$.

5. Chi phí tư vấn

a) Chi phí khảo sát, lập dự toán:

Xác định theo định mức chi phí thiết kế 2 bước công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV công bố tại Quyết định 79/BXD. Chi phí khảo sát, lập dự toán bằng định mức nhân với chi phí dịch vụ công ích trước thuế, nhân với hệ số điều chỉnh $k \leq 0,12$.

b) Chi phí giám sát:

Xác định theo định mức chi phí giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật công bố tại Quyết định 79/BXD. Chi phí giám sát bằng định mức nhân với chi phí dịch vụ công ích trước thuế, nhân với hệ số điều chỉnh $k \leq 0,3$.

6. Chi phí khác

a) Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu

Xác định theo Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5, Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, nhân với hệ số điều chỉnh $k \leq 0,3$.

b) Phí thẩm định dự toán

Xác định theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng, nhân với hệ số $k \leq 0,3$.

Trường hợp cơ quan thẩm định đề nghị phải thuê tư vấn thẩm tra dự toán trước khi thẩm định thì không tính phí thẩm định dự toán. Chi phí thẩm tra dự toán trong trường hợp này xác định theo định mức chi phí thẩm tra dự toán công trình hạ tầng kỹ thuật công bố tại Quyết định số 79/QĐ-BXD, nhân với hệ số điều chỉnh $k \leq 0,3$.

c) Chi phí kiểm toán

Xác định theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, nhân với hệ số điều chỉnh $k \leq 0,3$.

7. Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Dự toán chi phí dịch vụ công ích lập theo các bộ đơn giá dịch vụ công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố được áp dụng cho những khối lượng dịch vụ công ích thực hiện kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Chủ đầu tư tổ chức thực hiện điều chỉnh lại dự toán dịch vụ công ích, giá gói thầu trong trường hợp đã được phê duyệt nhưng chưa ký hợp đồng.

3. Điều chỉnh giá hợp đồng, thanh toán khối lượng thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 theo nội dung và các điều kiện thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng giữa các bên.

4. Trường hợp đơn vị được giao quản lý dịch vụ công ích có chức năng, nhiệm vụ thực hiện các công việc quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Mục III nêu trên thì không áp dụng các chi phí tương ứng các khoản trên của Hướng dẫn này trong dự toán chi phí dịch vụ công ích.

5. Các chi phí quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Mục III nêu trên phải tính trên toàn bộ các dự toán dịch vụ công ích theo địa bàn cấp huyện hoặc theo đơn vị được giao quản lý dịch vụ công ích, không tính theo dự toán từng loại dịch vụ công ích.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

Nơi nhận:

- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở : Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Kho bạc Nhà nước BR-VT;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, SXD (05)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc



Phụ lục

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ CÁC DỊCH VỤ CÔNG ÍCH ĐÔ THỊ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 4405/HD-UBND ngày 01/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

TT	Nội dung	Ký hiệu	Cách tính
I	Chi phí trực tiếp	CP_{TT}	VL+NC+M
1	Chi phí vật liệu	VL	Theo hướng dẫn
2	Chi phí nhân công	NC	Theo hướng dẫn
3	Chi phí sử dụng xe, máy, thiết bị thi công	MTC	Theo hướng dẫn
II	Chi phí quản lý chung	C	Theo hướng dẫn
III	Lợi nhuận định mức	LN	Theo hướng dẫn
	Cộng chi phí dịch vụ công ích trước thuế	DT _{DVTT}	CP _{TT} + C + LN
IV	Chi phí quản lý dịch vụ công ích	QL	Theo hướng dẫn
V	Chi phí tư vấn	TV	TV₁ + TV₂
1	Chi phí khảo sát, lập dự toán	TV ₁	Theo hướng dẫn
2	Chi phí giám sát	TV ₂	Theo hướng dẫn
VI	Chi phí khác	K	K₁ + K₂ + K₃
1	Chi phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có)	K ₁	Theo hướng dẫn
2	Phí thẩm định dự toán	K ₂	Theo hướng dẫn
3	Chi phí kiểm toán	K ₃	Theo hướng dẫn
VII	Thuế giá trị gia tăng	T	(DT_{DVTT} + TV + K₃) x Thuế suất
	Dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị	DT _{CPDV}	DT _{DVTT} + QL + TV + K + T